

Phụ lục I
THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỂ TĂNG TỶ LỆ SỬ DỤNG
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tỷ lệ	Thực hiện
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được công bố trên Hệ thống iGate <i>Cách tính tỷ lệ: $b/a*100$. Trong đó: a là Tổng số dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; b là số lượng dịch vụ công trực tuyến toàn trình cung cấp.</i>	100%	Các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã rà soát các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc phạm vi của cơ quan, đơn vị mình
2	Hồ sơ giải quyết được cập nhật lên Hệ thống iGate <i>Cách tính tỷ lệ: $b/a*100$; Trong đó: a là Tổng số hồ sơ đã giải quyết (gồm một phần và toàn trình); b là số lượng hồ sơ đã giải quyết được cập nhật lên hệ thống iGate.</i>		Theo Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
2.1	Các sở, ban, ngành	100%	
2.2	Các huyện, thị xã, thành phố	100%	
3	Hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình <i>Cách tính tỷ lệ: $(b/a)*100$. Trong đó: a là Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm (gồm cả toàn trình và một phần); b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</i>		Theo Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
3.1	Các sở, ban, ngành	> 80%	
3.2	Các huyện, thị xã, thành phố	> 80%	Bao gồm cấp huyện, cấp xã

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tỷ lệ	Thực hiện
4	Thực hiện quy trình số hóa hồ sơ giải quyết TTHC <i>Cách tính tỷ lệ: $b/a*100$. Trong đó: a là tổng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trong năm; b là số hồ sơ TTHC được thực hiện quy trình số hoá.</i>		Theo Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 30/12/2022
4.1	Các sở, ban, ngành	100%	
4.2	Các huyện, thị xã, thành phố	60%	
5	TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến <i>Cách tính tỷ lệ: $(b/a)*100$. Trong đó: (a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính; b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến).</i>		Theo Quyết định số 3003/QĐ-UBND ngày 30/12/2022.
5.1	Các sở, ban, ngành	90%	
5.2	Các huyện, thị xã, thành phố	90%	Đề nghị các Sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với cấp huyện, cấp xã để rà soát triển khai
6	Số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến <i>Cách tính tỷ lệ: $(b/a)*100$. Trong đó: a là tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến; b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</i>		
6.1	Các sở, ban, ngành	90%	
6.2	Các huyện, thị xã, thành phố	90%	
7	Số hồ sơ thanh toán trực tuyến <i>Cách tính tỷ lệ: $(b/a)*100$. Trong đó: a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC có thực hiện thanh toán trực tuyến thuộc phạm vi đánh giá; b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến.</i>		

STT	Nội dung chỉ tiêu	Tỷ lệ	Thực hiện
7.1	Các sở, ban, ngành	100%	
7.2	Các huyện, thị xã, thành phố	100%	
8	CBCCVVC sử dụng dịch vụ công và tuyên truyền, hướng dẫn người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình <i>Cách tính tỷ lệ: Khi kế hoạch có hiệu lực, trong phạm vi 15 ngày các cơ quan, đơn vị ban hành văn bản triển khai đạt tỷ lệ 100%; sau 30 ngày đạt tỷ lệ 50%, còn lại 0%.</i>		
8.1	Các sở, ban, ngành	100%	
8.2	Các huyện, thị xã, thành phố	100%	
9	Triển khai hoạt động cho Tổ công nghệ cộng đồng, với các nội dung: đến từng nhà, hướng dẫn, hỗ trợ từng người dân tự sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Biết sử dụng tài khoản VneID; Tạo tài khoản, đăng nhập và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống iGate. <i>Cách tính tỷ lệ: Các cơ quan, đơn vị ban hành văn bản triển khai và thực hiện triển khai, đạt tỷ lệ 100%; ban hành văn bản nhưng không triển khai, đạt tỷ lệ 50%, còn lại 0%.</i>		
	Các huyện, thị xã, thành phố	100%	